

Bản án số: 39 /2020/HSST

Ngày 02 /12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài.

Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sìn Văn Thành; ông Nguyễn Hữu Cường và ông Phạm Văn Như.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thu Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Huỳnh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 02/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2020/TLST - HS ngày 02 /10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39 /2020/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: CỨ A V - Sinh ngày 10/01/1972. Tại H, Lào Cai

Nơi cư trú: Bản Tàng D, xã Nậm T, huyện Nậm P, tỉnh Điện Biên.

Trình độ văn hóa: xoá mù chữ; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Tiền án, Tiền sự: Không; Bố đẻ: CỨ A G, sinh năm 1947; Mẹ đẻ: Tráng Thị D, sinh năm 1948; Điều trú tại: bản Tàng D, xã Nậm T, huyện Nậm P, tỉnh Điện Biên; Vợ Vàng Thị S, sinh năm 1971; Nơi cư trú: bản Tàng D, xã Nậm T, huyện Nậm P, tỉnh Điện Biên; Bị cáo có 04 con, lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 31/7/2020, tạm giam từ ngày 06/8/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai.

2/ Họ và tên: Vàng Thị P - Sinh ngày 07/3/1986.

Nơi cư trú: Thôn Cốc Ph, xã Lùng V1, huyện Mường K, tỉnh Lào Cai.

Trình độ văn hóa: không; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không; Tiền án, Tiền sự: Không. Bố đẻ: Vàng Diu S1; sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn C, xã CP, huyện Mường K, tỉnh Lào Cai; Mẹ đẻ: ThThị M (Đã chết); Mẹ Kế: Ly Seo D; sinh năm 1962; Chồng: Giàng Chính P1; Sinh năm 1984 hiện đang chấp hành hình phạt tù về tội về mua bán trái phép ma túy tại trại giam Tân Lập; Bị can có 2 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 31/7/2020, tạm giam từ ngày 06/8/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai.

3/ Họ và tên: Tráng Thị D1- Sinh ngày 01/7/1979.

Nơi cư trú : Thôn M, xã Ch, huyện Mường K, tỉnh Lào Cai.

Trình độ văn hóa: không. Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không; Tiền án, Tiền sự: Không; Bố đẻ: Tráng Diu S2; sinh năm 1944 (Đã chết); Mẹ đẻ: Vàng Chấn D2; sinh năm 1943; Chồng: Ly Seo S3; Sinh năm 1980; Điều trú tại: Thôn M, xã Ch, huyện Mường K, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có 05 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2009; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ năm; Bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 31/7/2020, tạm giam từ ngày 06/8/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa (các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo Cứ A V:** Bà Nguyễn Thị Mai H – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai

Ông Bùi Xuân D – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Quốc Uy, Đoàn luật sư Lào Cai

*** Người bào chữa cho bị cáo Vàng Thị P:** Ông Nguyễn Xuân T -Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai.

*** Người bào chữa cho bị cáo Tráng Thị Dín:** Bà Nguyễn Thị Thu H1 - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai.

Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư, Văn phòng luật sư Ngọc Bảo, đoàn luật sư Lào Cai, (những người bào chữa đều có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Hằng Thị D3; Trú tại - S3, xã NL, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai và bà Lý Seo Sài; Trú tại: Bản Tàng D, xã Nậm T, huyện Nậm P, tỉnh Điện Biên(đều vắng mặt)

* **Người chứng kiến:** Ông Trần Văn Nh - sinh năm 1963; Trú tại - Tổ 1 Phường Ô, Thị xã SP, Tỉnh Lào Cai (Vắng mặt).

* **Người phiên dịch:** Bà Giàng Thị P1 -Trú tại nhà 007. Đường Tân Thuật, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 phút ngày 31/7/2020, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai làm nhiệm vụ tại khu vực km 89+900 quốc lộ 4D thuộc tổ 2 phường Ô, thị xã SP, tỉnh Lào Cai. Phát hiện Cú A V cùng với Tráng Thị D1 và Vàng Thị P nên đã tiến hành kiểm tra. Cú A V khai nhận đang cùng với Tráng Thị D1 và Vàng Thị P đang vận chuyển ma túy sang Lào Cai tiêu thụ. Cú A V khai nhận trong bao tải để ở giữa xe của V bên trong chứa 14 gói ma túy tổng hợp, tổ công tác đã đưa V, D1, P cùng phương tiện, tang vật về trụ sở Công an phường Ô, thị xã SP, tỉnh Lào Cai để làm việc, tại Công an phường cùng người chứng kiến tiến hành kiểm tra Cú A V, Tráng Thị Dín, Vàng Thị P đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình, kiểm tra chiếc bao tải để ở giữa xe mô tô biển kiểm soát 25B1-256.49 xe của V phát hiện bên trong bao tải là 01 ba lô màu xanh đen có quai đeo, trong ba lô có 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 14 bọc và 01 gói nhỏ, kiểm tra gói nhỏ bên ngoài được bọc bằng các nilon và giấy bên trong có 04 túi nilon miết mép đều đựng các viên nén màu hồng và màu xanh, kiểm tra xác xuất 1 trong 14 bọc, bên ngoài được bọc bằng các túi nilon, tiếp theo là các lớp giấy chống ẩm và nilon, bên trong chứa 03 gói đều có ký hiệu bên ngoài là chữ A, kiểm tra xác xuất 01 gói có ký hiệu chữ A được gói bằng nilon và giấy bên trong chứa 10 túi nilon miết mép bên trong đều đựng các viên nén màu hồng và màu xanh. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với V, D1 và P, thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 164/GĐMT ngày 07/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai đã kết luận: Vật chứng là ma túy, thu giữ khi bắt quả tang Cú A V, Vàng Thị P và Tráng Thị D1 có tổng khối lượng 8.425,12 (Tám nghìn bốn trăm hai mươi năm phẩy mười hai) gam gửi đến giám định là loại chất ma túy Methamphetamine.

Quá trình điều tra các bị can khai nhận như sau:

Cách đây khoảng một năm Cú A V quen biết một người tên là M ở bên nước Lào khoảng 35 tuổi (V không biết họ, nhà ở của M). Khoảng 15 giờ ngày 30/7/2020, M gọi điện cho V ra khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản PK, xã NP, huyện Nậm P, tỉnh Điện Biên Vận chuyển cho M số ma túy sang Lào Cai để giao cho một người đàn ông tên là Th (V không biết Th là ai, ở đâu) Sau đó V đi ra điểm hẹn gặp M, M nói là có 14 gói ma túy ngựa và 01 gói nhỏ tặng cho ông Thảo. V đòi M trả tiền công 300 triệu đồng thì M trả 150 triệu đồng tiền Việt Nam, V đồng ý. M hẹn V khi nào giao xong ma túy về gặp thì M sẽ trả tiền công.

Khoảng 21 giờ ngày 30/7/2020 Cú A V gọi điện thoại cho Tráng Thị D1 và Vàng Thị P là người quen từ trước khi làm thuê ở bên Trung Quốc, V nói với D1 và P ngày 31/7/2020 sẽ mang ma túy ngựa sang tỉnh Lào Cai, Vàng bảo D1 và P đi đón và hứa sẽ trả tiền công cho D1 và P. D1 và P đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 31/7/2020 V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25B1-256.49 chở theo 01 ba lô bên trong chứa ma túy Methamphetamine dạng viên nén, để ở giá đèo hàng phía trước xe, xuất phát đi từ nhà ở Điện Biên sang Lào Cai. Trước khi đi Cú A V gọi điện cho P và D1 hỏi lại xem P và D1 có tham gia không, P và D1 đồng ý cùng tham gia đi đón V.

Sáng ngày 31/7/2020, Tráng Thị D1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24B2-304.82 từ nhà mình đi đến khu vực nhà Vàng Thị P ở xã Lùng V1 huyện Mường K, tỉnh Lào Cai. D1 gọi điện thoại cho P để cùng đi đón Cú A V. P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24B1-862.61 của mình cùng D1 đi về hướng thành phố LC. Khi đi đến khu vực ga Lào Cai, P gửi xe mô tô tại nhà nghỉ HN thuộc Tổ 15, phường LC, thành phố LC, tỉnh Lào Cai rồi đi cùng xe với D1 sang tỉnh Lai Châu. Trên đường đi V, D1 và P nhiều lần gọi điện liên lạc với nhau để hỏi xem D1 và P đã đi đến đâu, có gặp Công an làm không. Khi D1 và P đi đến khu vực BL, huyện Đ, tỉnh Lai Châu phát hiện 02 người mặc quần áo trắng nghi là Công an nên đã gọi điện thông báo cho V nhưng V bảo không phải Công an. V bảo D1 mua cho V một chiếc bao tải, D1 đồng ý đến ngã ba Bình Lư D1 dừng xe bảo P vào chợ ở ven đường mua một chiếc bao tải với giá 3.000 đồng, D1 và P đi tiếp thì gặp V ở trên đường thuộc địa phận huyện Đ, tỉnh Lai Châu lúc này D1 dừng xe, P ngồi phía sau xe mô tô đưa chiếc bao tải cho V và nhìn thấy chiếc ba lô V để ở giữa giá đèo hàng của xe mô tô Vàng điều khiển. Sau đó D1 và P

quay xe đi trước để xem đường, V cất ba lô ma túy vào trong bao tải, để vào giá để hàng phía trước xe rồi đi theo D1 và P khi cả ba người đến km 89+900 quốc lộ 4D thuộc phường Ô, thị xã SP, tỉnh Lào Cai dừng xe lại đứng ở ven đường thì bị tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy.

Cáo trạng số 40 /CT - VKS - P1 ngày 30/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Cự A V, Vàng Thị P và Tráng Thị D1 về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên tòa qua tranh luận và phát biểu về quan điểm vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như lời khai khi bắt quả tang đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Cự A V, Vàng Thị P và Tráng Thị D1 phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cự A V mức án “tử hình”; Xử phạt bị cáo Vàng Thị P và Tráng Thị D1 mỗi bị cáo 20 năm tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung

Đề nghị tiêu hủy 8.366,05 gam *Methamphetamine* là vật chứng, Xử lý vật chứng thu giữ của các bị cáo V, P và D1 theo quy định của pháp luật, tạm giữ 200.000đ của V, 200.000đ của P và 150.000đ của bị cáo D1 để đảm bảo thi hành án, và tuyên án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Cự A V: Ông Bùi Xuân D và bà Nguyễn Thị Mai H nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, sự nhận thức xã hội hạn chế, làm theo yêu cầu của người tên M. Gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn dẫn đến phạm tội; Do vậy đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án tù chung thân và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vàng Thị P: Ông Nguyễn Xuân T nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, phạm tội là do V, P và D1 rủ rê bảo bị cáo tham gia để lấy tiền

công, bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, chồng đang đi chấp hành án nên cần xử phạt bị cáo mức án 20 năm tù; đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của những người bào chữa cho Tráng Thị D1: Luật sư Đ đề nghị xử phạt bị cáo theo khoản 1 điều 250 BLHS do không biết lượng ma túy bị cáo vận chuyển theo quy định tại điều 117 BLDS, bị cáo chỉ là người giúp sức nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ do lạc hậu tại điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bà Nguyễn Thị Thu H1: Nhất trí với quan điểm đánh giá của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị xét xử xử phạt bị cáo mức án 20 năm tù do nhận thức hạn chế, gia đình khó khăn nên phạm tội và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Những người bào chữa đều có đề nghị chung xem xét hoàn cảnh kinh tế cho các bị cáo, đều là hộ có khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng và ý kiến đã nêu của kiểm sát viên và lời bào chữa của các trợ giúp viên, Luật sư và mong được sự giảm nhẹ khoan hồng của pháp luật, không đề nghị bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Cứ A V, Vàng Thị P, Tráng Thị D1 là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật, biết rõ nhà nước ta nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển,

mua bán trái phép các chất ma túy. Nhưng do hám lợi nhuận các bị cáo cố ý nhận vận chuyển trái phép 8.425,12 gam Methamphetamine cho một người tên là M dân tộc Mông người quốc tịch Lào đến Lào Cai đưa cho người tên là Th để nhận tiền công là 150.000.000đ. Trước khi đi V gọi điện báo trước cho P và D1 đi sang tỉnh Lai Châu đón V để cùng tham gia (V nói rõ là vận chuyển ma túy sang Lào Cai), khi đến địa phận tỉnh Lai Châu gặp nhau V yêu cầu P và D1 điều khiển xe đi trước để cảnh giới Công an trên đường. Vàng để bọc ma túy trên gác xe máy đi sau, khi cả ba đi đến km 89+900 quốc lộ 4D thuộc tổ 2 phường Ô, thị xã SP, tỉnh Lào Cai thì bị Công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang. Lời nhận tội của các bị cáo đều phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (mục đích của các bị cáo vận chuyển để lấy tiền). Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Cú A V, Vàng Thị P, Tráng Thị D1 phạm tội “ Vận chuyển trái phép chất ma túy” mà Viện Kiểm sát tỉnh Lào Cai truy tố theo điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất và vai trò các đồng phạm trong vụ án: Hành vi tội phạm của các bị cáo là gây nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội, gây ảnh hưởng và tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương, các bị cáo nhận vận chuyển trái phép là 8.425,12 gam Methamphetamine nên phải chịu trách nhiệm chung với số lượng ma túy này và cần phải xử lý với một mức hình phạt nghiêm khắc đúng tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo gây ra để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Về vai trò, đây là vụ án có vai trò đồng phạm giản đơn được xác định như sau: Bị cáo Cú A Vàng là người giữ vai trò khởi sự, vừa là người thực hành bởi. Từ việc chiều ngày 30/7/2020 trực tiếp liên hệ với người tên M quốc tịch Lào ở biên giới Việt Nam - Lào thuộc xã NP, huyện Nậm P, tỉnh Điện Biên nhận ma túy để chuyển sang tỉnh Lào Cai giao cho một người đàn ông tên là Th để lấy tiền công vận chuyển, đến việc chủ động điện báo cho Vàng Thị P, Tráng Thị D1 đi đón để cảnh giới dẫn đường vận chuyển ma túy trái phép. Do vậy bị cáo V phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án, phải bị xử lý với mức hình phạt nghiêm khắc cao hơn các đồng phạm khác trong cùng vụ án có đồng phạm là phù hợp.

Đối với bị cáo Vàng Thị P và Tráng Thị D1 khi được Cứ A V điện báo nói rõ đi đón V để cùng vận chuyển ma túy (loại Ngựa) sang tỉnh Lào Cai lấy tiền công. P và D1 đều đồng ý, tỏ ra tích cực ngang bằng nhau, cùng chủ động đi từ huyện Mường K sang tỉnh Lai Châu đón và đi cảnh giới dẫn đường cho V. Do vậy cả hai bị cáo là đồng phạm với vai trò vừa là người giúp sức và thực hành trong tội vận chuyển ma túy trái phép, phải chịu chung số lượng ma túy trong ba lô đang vận chuyển nên cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng hành vi của P và D1 với vai trò đồng là phù hợp.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Tình tiết giảm nhẹ; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Chấp nhận các ý kiến của những người bào chữa và đề nghị của đại diện VKSND; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với các bị cáo vì đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Song bác yêu cầu của những người bào chữa về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với các lý do cho rằng do nhận thức pháp luật hạn chế và khó khăn kinh tế nên phạm tội, (cụ thể xin xử phạt cho bị cáo V mức chung thân. bị cáo P và D1 mức 20 năm là chưa tương xứng với số lượng ma túy mà các bị cáo nhận lời cùng vận chuyển trái phép) bác ý kiến của luật sư đề nghị cho bị cáo D1 hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS đề nghị mức án ở khoản 1 Điều 250 BLHS do không có căn cứ.

[4]. Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ của các bị cáo chuyển theo vụ án được xử lý như sau; Tịch thu tiêu hủy 01 hộp bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng bên trong chứa 8.366,05 (Tám nghìn ba trăm sáu mươi sáu phẩy không năm) gam Methamphetamine là vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ của các bị cáo ngày 31/7/2020 tại tổ 2 phường Ô, thị xã SP, tỉnh Lào Cai là vật chứng cấm lưu hành.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAHAMA SIUSRC màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 25B1-256.49 *Số máy 5C6k227289; số khung RLCS5C6K0FY227285* của V do là tài sản chung vợ chồng. Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động ITEL, số IMEI 359666087752023 của V do dùng vào phạm tội. Tạm giữ số tiền 200. 000đ (hai trăm ngàn đồng) của V để đảm bảo Thi hành án về án phí.

Trả lại cho vợ bị cáo là chị Lý Seo Sài ½ giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAHAMA SIUSRC màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 25B1-256.49 Số máy 5C6k227289; Trả lại cho Cứ A V 01 giấy phép lái xe số 110059003810; 01 sổ thông hành xuất nhập cảnh số H1439496; 01 điện thoại di động SAMSUNG màu vàng số IMEI: 353317099344146/01; 01 điện thoại di động PHILIP màu đen số IMEI 861277035924697; 01 ví giả da màu nâu; 01 túi giả da màu nâu có quai đeo và hoàn trả cho V số tiền còn lại là 3.000.000 đ (ba triệu) do không dùng vào phạm tội.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu HON DA AIRBLADE màu đen, biển kiểm soát 24B1-862.61 Số máy JF46E7519586; số khung 4613EZ719546, thu giữ chuyển theo xe 01 đăng ký xe mô tô số 018307 mang tên Vàng Thị P và 01 chiếc điện thoại di động L800 màu vàng, số IMEI 865552025796420 dùng vào phạm tội. Tạm giữ của P số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn) để đảm bảo Thi hành án về án phí.

Trả lại cho Vàng Thị P 01 giấy phép lái xe số 101154003166; 01 túi giả da màu tím nhạt có quai đeo. Hoàn trả lại cho P số tiền 400.000 đ (bốn trăm ngàn).

- Vật chứng thu giữ của Tráng Thị D1: Chấp nhận đề nghị của chị Hằng Thị D3, trả lại cho chị D3 chiếc xe mô tô HONDA FUTUREFI màu đỏ ghi sẫm biển kiểm soát 24B2-304.82. Số khung 7615GZ111900; Số Máy JC76E0165763 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 090573 mang tên chị D3 (do V hỏi mua xe, nhờ D1 đến lấy đi thử, chị D3 không biết V và D1 lợi dụng dùng vào hành vi phạm tội).

Trả lại cho bị cáo Tráng Thị D1 01 chứng M nhân dân số 063060558; 01 giấy phép lái xe số 101159000227 và 01 túi giả da màu xanh có quai đeo.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động L800 số IMEI 867180390056762 của Tráng Thị D1 dùng vào phạm tội. Tạm giữ số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn) của D1 để đảm bảo cho một phần về án phí.

Toàn bộ vật chứng là tiền Việt nam Đồng thu giữ của các bị cáo đang được gửi giữ vào tài khoản của cơ quan điều tra số 3949.0.905 1074 tại kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai; Các vật chứng khác còn lại nêu trên đã được nhập kho; Như biên bản giao nhận vật chứng số 52 ngày 01/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

[5]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Cừ A V, Vàng Thị P, Tráng Thị D1 phạm tội: “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Cừ A V “*Tử hình*” Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án hình sự theo quyết định ghi trong bản án này, kể từ ngày tuyên án, ngày 02/12/2020.

- Xử phạt bị cáo Vàng Thị P tù chung thân

- Xử phạt bị cáo Tráng Thị D1 tù chung thân; Thời hạn chấp hành hành hình phạt tù với bị cáo P và D1 tính từ ngày tạm giữ ngày 31/7/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 8.366,05 (Tám nghìn ba trăm sáu mươi sáu phẩy không năm) gam Methamphetamine được niêm phong trong 01 hộp bìa cát tông dán kín bằng giấy trắng có ghi vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ của các bị cáo V, P, D1 ngày 31/7/2020.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước khi phát mại ½ giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAHAMA SIUSRC màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 25B1-256.49 Số máy 5C6k227289; số khung RLCS5C6K0FY227285; 01 chiếc điện thoại di động ITTEL, số IMEI 359666087752023 của Cừ A V. Tạm giữ số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) của V để đảm bảo Thi hành án về án phí.

Trả lại cho vợ bị cáo là chị Lý Seo S ½ giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAHAMA SIUSRC màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 25B1-256.49 Số máy 5C6k227289; Trả lại cho Cừ A V 01 giấy phép lái xe số 110059003810; 01 sổ thông hành xuất nhập cảnh số H1439496; 01 điện thoại di động SAMSUNG màu vàng số IMEI: 353317099344146/01; 01 điện thoại di động PHILIP màu đen số IMEI 861277035924697; 01 ví giả da màu nâu; 01 túi giả da màu nâu có quai đeo và hoàn trả cho V số tiền còn lại là 3.000.000 đ (ba triệu đồng) .

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu HON DA AIRBLADE màu đen, biển kiểm soát 24B1-862.61 Số máy JF46E7519586; số

khung 4613EZ719546, thu giữ chuyển theo xe 01 đăng ký xe mô tô số 018307 mang tên Vàng Thị P và 01 chiếc điện thoại di động L800 màu vàng, số IMEI 865552025796420. Tạm giữ của P số tiền 200. 000đ (hai trăm ngàn đồng) để đảm bảo Thi hành án về án phí.

Trả lại cho Vàng Thị P 01 giấy phép lái xe số 101154003166; 01 túi giả da màu tím nhạt có quai đeo. hoàn trả lại cho P số tiền 400. 000 đ (bốn trăm ngàn).

- Chấp nhận đề nghị của chị Hằng Thị D3, trả lại cho chị D3 chiếc xe mô tô HONDA FUTUREFI màu đỏ ghi sấm biển kiểm soát 24B2-304.82.Số khung 7615GZ111900; Số Máy JC76E0165763 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 090573 mang tên chị D3.

Trả lại cho bị cáo Tráng Thị D1 01 chứng M nhân dân số 063060558; 01 giấy phép lái xe số 101159000227 và 01 túi giả da màu xanh có quai đeo.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động L800 số IMEI 867180390056762 của Tráng Thị D1dùng vào phạm tội. Tạm giữ số tiền 150. 000đ (Một trăm năm mươi ngàn) của D1 để đảm bảo cho một phần về án phí.

(Vật chứng thể hiện; Tiền hiện đang được gửi giữ vào tài khoản số 3949.0.905 1074 tại kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai; Các vật chứng khác như biên bản giao nhận vật chứng số 52 ngày 01/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai) để thi hành án dân sự.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Cú A V, Vàng Thị P, Tráng Thị D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Cú A V được quyền gửi đơn xin ân giảm hình phạt lên Chủ tịch nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dính do vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7a và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xét xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT CA tỉnh;
- CQTHAHS CA tỉnh;
- Trại TG;; Các bị cáo;
- Người bào chữa 2;
- THA 4;
- Lưu Hồ sơ; Tập án;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài